TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H2ỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**19**/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 06/5/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN H2ỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Q Khải.

Bà Bạc Thị Kiên.

***- Thư ký phiên tòa*:**Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **102**/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* "; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số:16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lò Văn Q; sinh năm: 1976;

Nơi ĐKHKTT: Bản L, xã TL, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Chỗ ở hiện nay: Bản Ló, xã Thanh Luông, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Chị Lò Thị L;sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Bản L, xã TL, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơnanh Lò Văn Qtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị L chung sống như vợ cH từ năm 1993 đến ngày 07/8/2002mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu có hạnh phúc,

sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Q và chị L đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân H2ện Điên Biên, tỉnh Điện Biên. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị L.

*Về con chung:*Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị L có 03 con chung là cháu Lò Thị Ánh H- sinh ngày 10/5/1994; cháu Lò Thị Khánh H1- sinh ngày 22/6/2001; cháu Lò Đức H2- sinh ngày 26/6/2015.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 anh Q trình bày có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh H1 (mặc dù cháu đã đủ tuổi thành niên nhưng hiện cháu đang bị bệnh không có khả năng lao động được) và cháu Lò Đức H2 cho đến khi đủ tuổi thành niên và cháu H1 có khả năng lao động được.

Tại bản tự khai đề ngày 05/01/2021 anh Q xét thấy cháu H1 hiện đang bị bệnh rất cần chị L chăm sóc, nếu chị L đồng ý, anh Q sẽ để chị L chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1, còn anh có nguyện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2.Còn riêng với cháu H đã thành niên và có cuộc sống riêng nên anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.Vấn đề cấp dưỡng anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Về tài sản:*Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Anh Lò Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khaivà trong quá trình hòa giải bị đơn chị Lò Thị L trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lnhất trí với phần trình bày kết hôn ban đầu như anh Q trình bày ở trên. Khi chung sống như vợ cH và sau khi kết hôn vợ cH chung sống hạnh phúc được một thời gian , sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn , nguyên nhân chính do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Q và chị L đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Nay anh Q làm đơn xin ly hôn với chịL, chị L nhất trí ly hôn với anh Q. Đề nghị Tòa án nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên giải quyết cho vợ cHanh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị L đồng ý với anh Q về việc trình bày 03 con chung.Tại bản tự khai đề ngày 07/01/2021 chị L trình bày có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh H1, (mặc dù cháu H1 đã đủ tuổi thành niên nhưng vì cháu đang bị bệnh không có khả năng lao động được) và cháu Lò Đức H2. Chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu H2 1.500.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận. Đối với

cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải lần 1 chị L vắng mặt không lý do, Tòa án đã tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh Q trình bày ý kiến thay đổi bổ sung, nay vì công việc của anh Q luôn phải đi làm xa nhà vì vậy anh Q đồng ý để chị L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu H1 và cháu H2. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Q sẽ cấp dưỡng cho cháu H2 là 1.500.000 đồng/1 tháng đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác).Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đã gửi thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho chị L.

Tại buổi hòa giải lần 02 vào ngày 05/3/2021có mặt cả anh Q và chị L. Chị L thay đổi ý kiến để anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Lò Thị Khánh H1 và cháu Lò Đức H2cho đến khi cháu H1 có khả năng lao động và cháu H2 đến tuổi thành niên. Đối với cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Q tại buổi hòa giải đồng ý sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2 đến khi cháu H1 đủ khả năng lao động và cháu H2 đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung

*Về tài sản:*Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị Lvà anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cùng ngày Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành và chờ ngày ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 08/3/2021 chị L có đơn đề nghị Tòa án với nội dung: Về con chung: Chị L thay đổi và có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2 đến khi cháu H1 đủ khả năng lao động và cháu H2 đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu H2 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác; Về tài sản chung: Chị L yêu cầu anh Q phải chia tài sản chung của vợ cH cho chị L là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn) để chị L và các con ổn định lo cuộc sống.

Ngày 10/3/2021 anh Q có đơn gửi Tòa án với nội dung: Anh Q đồng ý về vấn đề thay đổi nuôi con chung của chị L và mức cấp dưỡng nhưng không đồng ý về vấn đề chia tài sản chung, nếu chị L muốn chia tài sản thì chị L có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại biên bản xác minh ngày 24/02/2021, chính quyền xãThanh Luông, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị L sinh sống tại Bản L, xã TL, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn nảy sinh do quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Q và chị L đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hiện tại chị L đang chung sống cùng 02 con chung tại Bản L, xã TL, anh Q đang sinh sống tại bản Ló, xã Thanh Luông. Về con chung: Anh Q và chị L có 03 chung là cháu Lò Thị Ánh H- sinh ngày 10/5/1994 (hiện cháu H đã có gia đình riêng); cháu Lò Thị Khánh H1- sinh ngày 22/6/2001 (đã đủ tuổi thành niên nhưng hiện nay đang bị bệnh không có khả năng lao động); cháu Lò Đức H2- sinh ngày 26/6/2015.

Ngày 24/3/2021, Tòa án nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm vào ngày 09/4/2021, nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vào ngày 06/5/2021.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân H2ện ĐB tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành tốt Điều 48 của BLTTDS; xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và VKS đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 của BLTTDS; điều khiển phiên tòa đảm bảo đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị xử cho anh Lò Văn Q được ly hôn với chị Lò Thị L.

- Về quan hệ con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Thị Khánh H1- sinh ngày 22/6/2001 và cháu Lò Đức H2- sinh ngày 26/6/2015 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ khả năng lao động và cháu H2 đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lò Đức H2là 1.500.000đồng cho đến khi cháu H2đủ tuổi thành niên, hoặc khi có thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Hình thức cấp dưỡng anh Q và chị L sẽ tự thỏa thuận.

- Về tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Lò Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số án phí anh Q phải nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về lệ phí, án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lò Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lò Thị L. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Chị L có địa chỉ tại Bản L, xã TL, H2ện ĐB, tỉnh Điện Biênnên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H2ện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa, bị đơnchị Lò Thị Lđã được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 227và khoản 3 Điều 228Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân:

Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị L chung sống như vợ cH từ năm 1993 đến 07/8/2002mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Luông, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộcvà tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa anh Q và chị L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Q thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ cH chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh Q và chị L đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng anh Q và chị L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q với chị Ltheo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét vềcon chung:

Anh Q và chị Lcó 03con chung là cháu Lò Thị Ánh H- sinh ngày 10/5/1994; cháu Lò Thị Khánh H1- sinh ngày 22/6/2001; cháu Lò Đức H2- sinh ngày 26/6/2015.

Xét yêu cầu của chị L về việc trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Khánh H1 và cháu Lò Đức H2 và yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lò Đức H2là 1.500.000đồng/ 1 thángcho đến khi cháu H2đủ tuổi thành niên, hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Lò Thị Khánh H1là con gái hiện cháu đang bị bệnh không có khả năng lao động và chăm sóc cho bản thân được nên cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nhiều hơn, bản thân anh Q hay đi làm xa nhà, không có nhiều thời gian chăm sóc 02 con chung.Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu H1 và cháu H2, Tòa án cần tôn trọng quyết định của các đương sự, giao 02 con chung là cháu H1 và cháu H2 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lò Đức H2là 1.500.000đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu H2đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác, theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Hình thức cấp dưỡng anh Q và chị L sẽ tự thỏa thuận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản và công nợ:Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/3/2021 anh Q và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản và công nợ. Sau khi Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành đến ngày 08/3/2021 chị L lại có đơn thay đổi về vấn đề yêu cầu anh Q phải chia tài sản chung là 300.000.000 đồng.

Như vậy, chị L đã nộp đơn cầu giải quyết về tài sản sau khi Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với quan hệ về tài sản của chị Lò Thị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 200của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có thể khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lò Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số án phí anh Q phải nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 200, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5,điểm a khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lò Văn Qvới chị Lò Thị L.

2.Vềnuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chunglà cháu Lò Thị Khánh H1- sinh ngày 22/6/2001; cháu Lò Đức H2- sinh ngày 26/6/2015cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dụccho đến khi cháu H1 đủ khả năng lao động và cháu H2đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

2.2. Anh Lò Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lò Đức H2là 1.500.000đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu H2đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hình thức cấp dưỡng anh Q và chị L thống nhất tự thỏa thuận. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản:Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lò Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng số án phí anh Q phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số

AA/2020/0000850, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự H2 Hhện ĐB, tỉnh Điện Biên. Anh Lò Văn Q còn phải nộp tiếp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lò Văn Qcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lò Thị Lvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Thanh Luông, HĐB, tỉnh ĐB;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố L